Số: 814/QĐ-SYT; 19/10/2023; 9:31:23 +07:00

PHỤ LỤC
DANH MỤC THUỐC TRÚNG THẦU GÓI THẦU THUỐC HÓA DƯỢC
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-SYT ngày /10/2023 của Sở Y tế Hà Tĩnh)

STT	STT của nhà thầu	Mã thuốc	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Nhóm thuốc	Hạn dùng (Tuổi thọ)	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá dự thầu (VNĐ) (đã bao gồm VAT)	Thành tiền (VNĐ)	Tên nhà thầu
1	1	A169	Bocartin 150	Carboplatin	150mg	Tiêm/Truyền	Dung dịch tiêm	Hộp 1 lọ 15ml	Nhóm 4	24 tháng	VD-21239-14	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	Lọ	3.000	259.980	779.940.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR)
		1	**Mặt hàng**														**779.940.000**	**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR)**
2	1	A068	LISONORM	Amlodipine (dưới dạng Amlodipine besilate) + Lisinopril (dưới dạng Lisinopril dihydrat)	5mg+10 mg	Uống	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Nhóm 1	36 tháng	VN-22644-20	Gedeon Richter Plc	Hungary	Viên	652.000	5.250	3.423.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE
		1	**Mặt hàng**														**3.423.000.000**	**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE**
3	1	A134	BFS-Cafein	Cafein citrat	Cafein (citrat) 30mg/3 ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp 10 ống x 3ml	Nhóm 4	36 tháng	VD-24589-16	Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	Ống	800	42.000	33.600.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI
4	2	A151	Bometan	Calcipotriol + betamethason dipropionat	(0,75mg Calcipotriol + 7,5mg betamethason)/15g	Dùng ngoài	Thuốc mỡ	Tuýp 15g. Hộp 1 tuýp	Nhóm 4	24 tháng	VD-34154-20	Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	Tuýp	700	180.000	126.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI

STT	STT của nhà thầu	Mã thuốc	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Nhóm thuốc	Hạn dùng (Tuổi thọ)	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá dự thầu (VNĐ) (đã bao gồm VAT)	Thành tiền (VNĐ)	Tên nhà thầu
5	3	A656	Nước cất ống nhựa	Nước cất pha tiêm	5ml	Tiêm	Dung môi pha tiêm	Hộp 50 ống x 5ml	Nhóm 4	60 tháng	VD-21551-14	Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	Ống	2.555.000	435	1.111.425.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI
		3	**Mặt hàng**														**1.271.025.000**	**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI**
6	1	A203	Vipocef 100	Cefpodoxim (dưới dạng Cefpodoxim proxetil)	100mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 1 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD-28896-18	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Cửu Long	Việt Nam	Viên	107.000	960	102.720.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG
7	2	A696	Panalgan Effer Codein	Paracetamol + Codein phosphat hemihydrat	500mg + 30mg	Uống	Viên nén sủi bọt	Hộp 4 vỉ x 4 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD-31631-19	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Cửu Long	Việt Nam	Viên	168.000	1.550	260.400.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG
		2	**Mặt hàng**														**363.120.000**	**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG**
8	1	A483	Disomic	Dexketoprofen	50mg/2ml	Tiêm/ pha truyền tĩnh mạch	Dung dịch tiêm/dung dịch đậm đặc để pha truyền tĩnh mạch	Hộp 5 ống x 2ml	Nhóm 1	48 tháng	VN-21526-18	S.C. Rompharm Company S.R.L	Rumani	Ống	14.500	19.900	288.550.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HIỆP BÁCH NIÊN
		1	**Mặt hàng**														**288.550.000**	**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HIỆP BÁCH NIÊN**
9	1	A023	Acyclovir 3%	Aciclovir	3% 5g	Tra mắt	Thuốc tra mắt	Hộp 1 tuýp 5g	Nhóm 4	36 tháng	VD-27017-17	CTCP dược phẩm Quảng Bình	Việt Nam	Tuýp	4.200	48.000	201.600.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TAMY
10	2	A063	Amlodipine STELLA 10 mg	Amlodipin	10mg	Uống	Viên nén	Hộp 3 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 1	24 tháng	VD-30105-18	CT TNHH Liên Doanh Stellapharm – Chi nhánh 1	Việt Nam	Viên	4.112.200	690	2.837.418.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TAMY

STT	STT của nhà thầu	Mã thuốc	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Nhóm thuốc	Hạn dùng (Tuổi thọ)	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá dự thầu (VNĐ) (đã bao gồm VAT)	Thành tiền (VNĐ)	Tên nhà thầu
11	3	A940	Vitamin E 400IU	Vitamin E	400UI	Uống	Viên nang mềm	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD-18448-13	CTCP dược vật tư y tế Hải Dương	Việt Nam	Viên	47.000	450	21.150.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TAMY
		3	**Mặt hàng**														**3.060.168.000**	**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TAMY**
12	1	A572	Methylprednisolone Sopharma	Methyl prednisolon	40mg	Tiêm/Truyền	Bột đông khô pha tiêm	Hộp 10 ống bột	Nhóm 1	24 tháng	VN-19812-16	Sopharma AD	Bulgaria	Ống	135.700	33.800	4.586.660.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THẾ GIỚI MỚI
		1	**Mặt hàng**														**4.586.660.000**	**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THẾ GIỚI MỚI**
13	1	A150	Xamiol	Calcipotriol (dưới dạng calcipotriol monohydrat) + Betamethason (dưới dạng Betamethason dipropionat)	50mcg/g + 0,5mg/g	Dùng ngoài	Gel bôi da	Hộp 1 lọ 15g	Nhóm 1	24 tháng	VN-21356-18	LEO Laboratories Limited	Ireland	Lọ	850	282.480	240.108.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI

STT	STT của nhà thầu	Mã thuốc	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Nhóm thuốc	Hạn dùng (Tuổi thọ)	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá dự thầu (VNĐ) (đã bao gồm VAT)	Thành tiền (VNĐ)	Tên nhà thầu
14	2	A447	INSUNOVA-G PEN	Insulin Glargine (rDNA origin) - 100IU/ml	100IU/ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp chứa 01 bút tiêm nạp sẵn chứa 03ml dung dịch thuốc	Nhóm 5	36 tháng	QLSP-907-15 kèm công văn số 1728/QLD-ĐK ngày 2/2/2016 V/v bổ sung quy cách đóng gói, thay đổi hạn dùng sản phẩm và công văn số 14039/QLD-ĐK ngày 19/08/2019 V/v thay đổi một số nội dung đối với thuốc đã được cấp số đăng ký; Quyết định 317/QĐ-QLD ngày 17/6/2022 V/v gia hạn giấy đăng ký lưu hành tại Việt Nam Đợt 44 (hiệu lực 5 năm kể từ ngày ký (17/6/2022)	M/s.Biocon Limited	India	Bút tiêm	1.100	213.900	235.290.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI
15	3	A650	Noradrenaline Base Aguettant 1mg/ml	Noradrenalin base (dưới dạng noradrenalin tartrat)	4mg/4ml	Tiêm truyền	Dung dịch đậm đặc để tiêm hoặc tiêm truyền tĩnh mạch sau khi pha loãng	Hộp 2 vỉ x 5 ống x 4 ml, ống thủy tinh	Nhóm 1	18 tháng	VN-20000-16 (Có QĐ gia hạn số 573/QĐ-QLD ngày 23/09/2022)	Laboratoire Aguettant	Pháp	Ống	6.810	40.000	272.400.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI

STT	STT của nhà thầu	Mã thuốc	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Nhóm thuốc	Hạn dùng (Tuổi thọ)	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá dự thầu (VNĐ) (đã bao gồm VAT)	Thành tiền (VNĐ)	Tên nhà thầu
16	4	A756	Alcaine 0.5%	Proparacain hydroclorid	5mg/ml	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Hộp 1 lọ 15ml	Nhóm 1	30 tháng	VN-21093-18 (Có QĐ gia hạn số 225/QĐ-QLD ngày 03/04/2023)	SA Alcon-Couvreur NV	Bỉ	Lọ	2.460	39.380	96.874.800	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI
		4	**Mặt hàng**														**844.672.800**	**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI**
17	1	A637	Neostigmine-hameln 0,5mg/ml Injection	Neostigmin metylsulfat	0,5mg/ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp 10 ống 1ml	Nhóm 1	24 tháng	VN-22085-19	Siegfried Hameln GmbH	Đức	Ống	17.570	12.800	224.896.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA
18	2	A805	Safoli	Sắt hydroxyd polymaltose + acid folic	166,67mg + 0,35mg	Uống	Viên nang mềm	Hộp 1 vỉ x 15 viên, hộp 2 vỉ x 15 viên, hộp 4 vỉ x 15 viên, hộp 6 vỉ x 15 viên	Nhóm 4	24 tháng	VD-27832-17	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	Viên	60.000	4.300	258.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA
19	3	A835	A.T Sucralfate	Sucralfat	1g	Uống	Hỗn dịch uống	Hộp 20 gói x 5g	Nhóm 4	24 tháng	VD-25636-16	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	Gói	22.000	1.995	43.890.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA
		3	**Mặt hàng**														**526.786.000**	**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA**
20	1	A526	Redtadin	Loratadin	5mg/5ml; 75ml	Uống	Siro thuốc	Hộp 1 chai 75ml	Nhóm 4	36 tháng	VD-30647-18	CTCP Dược VTYT Hải Dương	Việt Nam	Chai	2.500	18.000	45.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1

STT	STT của nhà thầu	Mã thuốc	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Nhóm thuốc	Hạn dùng (Tuổi thọ)	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá dự thầu (VNĐ) (đã bao gồm VAT)	Thành tiền (VNĐ)	Tên nhà thầu
		1	**Mặt hàng**														**45.000.000**	**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1**
21	1	A044	Milurit	Allopurinol	300mg	Uống	Viên nén	Hộp 1 lọ 30 viên	Nhóm 1	60 tháng	VN-21853-19	Egis Pharmaceuticals Private Limited company	Hungary	Viên	135.000	2.500	337.500.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIỆT HÀ
		1	**Mặt hàng**														**337.500.000**	**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIỆT HÀ**
22	1	A793	Salbutamol Renaudin 0,5mg/1ml	Salbutamol sulfat	0,5mg/ 1ml (0,05%)	Tiêm	dung dịch tiêm	Hộp 2 vỉ x 5 ống 1ml	Nhóm 1	36 tháng	VN-20115-16	Laboratoire Renaudin	Pháp	Ống	109.100	14.450	1.576.495.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIPHARCO
		1	**Mặt hàng**														**1.576.495.000**	**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIPHARCO**
23	1	A523	Loperamid 2mg	Loperamid hydroclorid	2mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD-25721-16 (QĐ gia hạn số: 435 /QĐ-QLD ngày 19/6/2023 được gia hạn đến 31/12/2024)	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	Viên	48.200	132	6.362.400	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI MINH DÂN
24	2	A619	Natri clorid 0,9%	Natri clorid	0,9%; 10ml	Nhỏ mắt, nhỏ mũi	Dung dịch nhỏ mắt, mũi	Hộp 20 lọ 10ml	Nhóm 4	24 tháng	VD-22949-15 (QĐ gia hạn số: 62 /QĐ-QLD ngày 8/02/2023 được gia hạn đến 31/12/2024)	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	Lọ	148.500	1.390	206.415.000	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI MINH DÂN

STT	STT của nhà thầu	Mã thuốc	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Nhóm thuốc	Hạn dùng (Tuổi thọ)	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá dự thầu (VNĐ) (đã bao gồm VAT)	Thành tiền (VNĐ)	Tên nhà thầu
		2	**Mặt hàng**														**212.777.400**	**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI MINH DÂN**
25	1	A420	Vaxcel Heparin Sodium Injection 5000 IU/ml	Heparin	Heparin (natri) 25.000UI	Tiêm/truyền	Dung dịch tiêm, tiêm truyền	Hộp 10 ống x 5ml	Nhóm 5	36 tháng	QLSP-1093-18	Kotra Pharma (M) Sdn. Bhd	Malaysia	Lọ	25.000	120.950	3.023.750.000	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
		1	**Mặt hàng**														**3.023.750.000**	**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**
26	1	A558	Meloxicam OD DWP 15mg	Meloxicam	15mg	Uống	Viên nén phân tán trong miệng	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	893110058523	Công ty cổ phần dược phẩm Wealphar	Việt Nam	Viên	203.000	945	191.835.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TÂN AN
		1	**Mặt hàng**														**191.835.000**	**CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TÂN AN**
27	1	A088	Vaslor-40	Atorvastatin (dưới dạng Atorvastatin calci trihydrat)	40mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Nhóm 2	36 tháng	VD-28487-17	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	Viên	110.000	1.215	133.650.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC
28	2	A219	Pasquale-50	Cilostazol	50mg	Uống	Viên nén	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD-28480-17	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	Viên	2.000	2.700	5.400.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC
		2	**Mặt hàng**														**139.050.000**	**CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC**
29	1	A675	Pataxel	Paclitaxel	300mg/50ml	Tiêm truyền	Dung dịch đậm đặc để pha dịch truyền tĩnh mạch	Hộp 1 lọ	Nhóm 1	24 tháng	VN-17868-14	Vianex S.A.-Plant C	Greece	Lọ	500	2.251.000	1.125.500.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC TÂM ĐAN
		1	**Mặt hàng**														**1.125.500.000**	**CÔNG TY TNHH DƯỢC TÂM ĐAN**

STT	STT của nhà thầu	Mã thuốc	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Nhóm thuốc	Hạn dùng (Tuổi thọ)	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá dự thầu (VNĐ) (đã bao gồm VAT)	Thành tiền (VNĐ)	Tên nhà thầu
30	1	A066	Natrixam 1.5mg/5mg	Indapamide 1,5mg, Amlodipine (dưới dạng Amlodipine besilate) 5mg	1,5mg; 5mg	Uống	Viên nén giải phóng kiểm soát	Hộp 6 vỉ x 5 viên	Nhóm 1	24 tháng	VN3-7-17	Les Laboratoires Servier Industrie	Pháp	Viên	189.000	4.987	942.543.000	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC LIỆU TW2
31	2	A345	Zolmed 150	Fluconazol	150mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 1 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD-20723-14	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Việt Nam	Viên	29.800	1.600	47.680.000	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC LIỆU TW2
32	3	A458	Omnipaque	Iohexol	755mg/ml (tương đương Iod 350mg/ml)	Tiêm (tĩnh mạch/ động mạch/ nội tủy mạc/ các khoang của cơ thể)	Dung dịch tiêm	Hộp 10 chai 100ml	Nhóm 1	36 tháng	VN-20358-17	GE Healthcare Ireland Limited	Ireland	Chai	2.000	609.140	1.218.280.000	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC LIỆU TW2

STT	STT của nhà thầu	Mã thuốc	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Nhóm thuốc	Hạn dùng (Tuổi thọ)	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá dự thầu (VNĐ) (đã bao gồm VAT)	Thành tiền (VNĐ)	Tên nhà thầu
33	4	A884	Actemra	Tocilizumab	200mg/10ml	Tiêm truyền	Dung dịch đậm đặc để pha dung dịch tiêm truyền	Hộp 1 lọ x 10ml	Nhóm 1	30 tháng	SP-1189-20	CSSX: Chugai Pharma Manufacturing Co., Ltd; CSĐG: F. Hoffmann La Roche Ltd.	CSSX: Nhật, đóng gói: Thụy Sỹ	Lọ	40	5.190.699	207.627.960	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC LIỆU TW2
		4	**Mặt hàng**														**2.416.130.960**	**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC LIỆU TW2**
34	1	A848	Tamifine 10mg	Tamoxifen (dưới dạng Tamoxifen citrate)	10mg	Uống	Viên nén	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 1	60 tháng	VN-16325-13	Medochemie Ltd - Central Factory	Cộng Hoà Síp	Viên	100.000	2.300	230.000.000	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC SÀI GÒN
		1	**Mặt hàng**														**230.000.000**	**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC SÀI GÒN**
35	1	A054	Chemacin	Amikacin	500mg	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp 5 ống 2ml	Nhóm 2	48 tháng	VN-16436-13	Laboratorio Farmaceutico C.T.s.r.l.	Italy	Ống	15.500	23.900	370.450.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM VẠN XUÂN
36	2	A414	Itamegrani 1	Granisetron hydroclorid	1mg/1ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp 5 ống 1ml; Hộp 10 ống 1ml	Nhóm 4	24 tháng	VD-36251-22	Công ty TNHH sản xuất dược phẩm Medlac Pharma Italy	Việt Nam	Ống	4.500	30.500	137.250.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM VẠN XUÂN
		2	**Mặt hàng**														**507.700.000**	**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM VẠN XUÂN**
37	1	A492	Scolanzo	Lansoprazol	15mg	Uống	Viên nang bao tan trong ruột	Hộp 4 vỉ x 7 viên	Nhóm 1	24 tháng	VN-21360-18	Laboratorios Liconsa, S.A	Tây Ban Nha	Viên	766.000	5.000	3.830.000.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI NAM ĐỒNG

STT	STT của nhà thầu	Mã thuốc	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Nhóm thuốc	Hạn dùng (Tuổi thọ)	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá dự thầu (VNĐ) (đã bao gồm VAT)	Thành tiền (VNĐ)	Tên nhà thầu
		1	Mặt hàng														3.830.000.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI NAM ĐỒNG
Tổng: 37 mặt hàng																Tổng:	28.779.660.160	